

UBND HUYỆN VĂN YÊN
TRUNG TÂM Y TẾ H. VĂN YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1026 /TTYT-KD

Văn Yên, ngày 23 tháng 6 năm 2025

V/v mời Báo giá và ký Hợp đồng cung cấp
thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện

Kính gửi: Các Nhà thầu cung cấp thuốc Biệt dược gốc và các thuốc thuộc danh mục
đàm phán giá trên toàn quốc

Căn cứ khoản 17, điều 4 luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật đấu thầu theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đề nghị các Nhà thầu cung cấp thuốc Biệt dược gốc và các thuốc thuộc danh mục đàm phán giá tiến hành báo giá và ký kết hợp đồng cho Nhà thuốc Bệnh viện, Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, cụ thể như sau:

Danh mục thuốc: Gồm 92 thuốc Biệt dược gốc và các thuốc thuộc danh mục đàm phán giá.

Giá thuốc: Là giá được tham khảo dựa trên kết quả trúng thầu của các Bệnh viện trên toàn quốc trong vòng 12 tháng gần nhất, được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia <http://muasamcong.mpi.gov.vn/>;

Giá trị dự kiến: 1.046.818.980đ (Số tiền bằng chữ: Một tỷ không trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm mười tám nghìn, chín trăm tám mươi đồng).

(Có phụ lục I kèm theo)

Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ khi ký hợp đồng. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định (Nhà thầu không cần thực hiện Bảo lãnh hợp đồng);

(Có dự thảo hợp đồng kèm theo)

Nhà thầu cung cấp các loại thuốc tại phụ lục I đề nghị gửi Công văn chấp thuận, báo giá theo Mẫu số 01 và hợp đồng có ký và đóng dấu bên bán. Trường hợp có điều chỉnh tăng về giá thuốc tại Phụ lục I, đề nghị nhà thầu phải cung cấp kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng gần nhất để chứng minh.

Văn bản phản hồi và các tài liệu kèm theo đề nghị Nhà thầu gửi về Trung tâm Y tế trước ngày 30/06/2025 theo địa chỉ: Khoa dược-Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Mọi thắc mắc cần giải đáp xin vui lòng liên hệ qua số điện thoại: 0982.909.569 (Ds Sơn)

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu VT.



PHÓ GIÁM ĐỐC
Vương Ngọc Biên

DANH MỤC THUỐC BIẾT DƯỢC GỐC VÀ CÁC THUỐC THUỐC DANH MỤC ĐÀM PHÁN GIẢ PHỤC VỤ NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN - TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN NĂM 2025-2026

(Kèm theo Công văn số 1026/HYH-YKD ngày 23/6/2025 của Trung tâm Y tế huyện Văn Yên)



Mã STT 05/202 4/TT- BYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số ĐKLT, số GPNN	Dạng dùng	Dạng bao bì	Nhóm thuốc	Quy cách dùng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch							
															Giá trưng thầu	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định trưng thầu	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	Ghi chú
1	2	3	4	5		6	7		8	9		10	11		12	13		14	15		16	17
30	Arcoxia 120mg	Etoricoxib	120mg	VN-20808-17	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Rovi Pharma Industrial Services, S.A.; CSPG và xuất xưởng; Organo Pharma (UK) Limited	CSSX; Tây Ban Nha; CSPG và xuất xưởng; Anh	Viên	18.726	300	5.617.800	18.726	IB25007522 3	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	28/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500138986 _2505281723	
31	Arcoxia 60mg	Etoricoxib	60mg	VN-20809-17	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Rovi Pharma Industrial Services, S.A.; CSPG và xuất xưởng; Organo Pharma (UK) Limited	CSSX; Tây Ban Nha; CSPG và xuất xưởng; Anh	Viên	14.222	300	4.266.600	14.222	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500122146 _2505191037	
32	Arcoxia 90mg	Etoricoxib	90mg	VN-20810-17	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Rovi Pharma Industrial Services, S.A.; CSPG và xuất xưởng; Organo Pharma (UK) Limited	CSSX; Tây Ban Nha; CSPG và xuất xưởng; Anh	Viên	15.645	300	4.693.500	15.645	IB250015660 7	Trung tâm y tế thành phố Thái Nguyên	19/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500156607 _2505191555	
37	Augmentin 1g	Amoxicillin (Dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid clavulanic (Dưới dạng clavulanic potassium)	875mg + 125mg	VN-20517-17	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 7 viên	SmithKline Beecham Pharmaceuticals	Anh	Viên	16.680	1.400	23.352.000	16.680	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500122146 _2505191037	
38	Augmentin 250mg/31,25mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 31,25mg	VN-17444-13	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Biệt được gốc	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Gói	10.670	3.000	32.010.000	10.670	IB250000173 0	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500001730 _2505121605	
39	Augmentin 500mg/62,5mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 62,5mg	VN-16487-13	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Biệt được gốc	Hộp 12 gói	Glaxo Wellcome Production	Pháp	Gói	16.014	3.000	48.042.000	16.014	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
40	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	VN-20169-16	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 7 viên	SmithKline Beecham Limited	Anh	Viên	11.936	1.400	16.710.400	11.936	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
48	Bambec 10mg	Bambuterol HCL	10mg	VN-16125-13	Uống	Viên nén bao phim	Nhãn 1	Hộp 3 vỉ x 10 viên	AstraZeneca Pharmaceutical Co., Ltd.	Trung Quốc	Viên	5.639	150	845.850	5.639	IB250009172 7	Bệnh viện Phổi Trung ương	13/06/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500091727 _2506131131	
53	Baalco ZOK 25mg	Metoprolol succinat	23,75mg (tương đương với 25mg metoprolol tartrate hoặc 19,5mg metoprolol)	VN-17244-13	Uống	Viên nén phòng thích kéo dài	Biệt được gốc	Hộp 1 vỉ x 14 viên	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	4.389	2.800	12.289.200	4.389	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500122146 _2505191037	
54	Baalco Zok 50mg	Metoprolol succinat	47,5mg (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	VN-17244-13	Uống	Viên nén phòng thích kéo dài	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 14 viên	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	5.490	840	4.611.600	5.490	IB250009233 2	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TV2	Đầu thầu rộng rãi	K02500092332 _2505121631	

Kết quả trưng thầu hoặc tham phân giá bán các cơ sở được giá kê hoạch																							
STT 05/202 4/TT- BYT	Mã TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số BCLH, số GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sân xuất	Đơn vị tính	Đơn giá đự kiến	Số lượng	Thành tiền	Giá		Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định trưng thầu	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	Ghi chú
																12	13						
1	2	3		4	5		6	7		8	9		10	11		12	13		14	15		16	17
11	66	Britania	Trianglor	90mg	VN-19006-15	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 6 vi x 10 viên	AstraZenca AB	Thụy Điển	Viên	15.873	600	9.523.800	15.873	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
12	71	Buscopan	Hyoscin butylbromid	10mg	VN-20661-17	Uống	Viên nén bao đường	Biệt được gốc	Hộp 5 vi x 20 viên	Delpharm Reims	Pháp	Viên	1.120	200	224.000	8.435	IB250009233 2	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332 _2505121631	
13	78	Carduran	Doxazosin (dưới dạng Doxazosin mesylate)	2mg	VN-21935-19	Uống	Viên nén	Biệt được gốc	Hộp 1 vi x 10 viên	Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đức	Viên	8.435	200	1.687.000	8.435	IB240029233 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
14	102	Ciproday Tab 500mg 10's	Ciprofloxacin (Ciprofloxacin Hydrochloride)	500mg	VN-14009-11	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 1 vi x 10 viên	Bayer HealthCare Manufacturing S.r.l.	Ý	Gói	13.224	200	2.644.800	13.224	IB250009233 2	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332 _2505121631	
15	114	Concor 5mg	Bisoprolol fumarate	5mg	VN-17521-13	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 3 vi x 10 viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA, CSBG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSBG: Áo	Viên	4.290	600	2.574.000	4.290	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
16	115	Concor Cor	Bisoprolol fumarate	2,5mg	VN-18023-14	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 3 vi x 10 viên	CSSX: Merck Healthcare KGaA, CSBG: P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức, CSBG: Áo	Viên	3.147	150	472.050	3.147	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
17	119	Coversyl 5mg	Perindopril	5mg	VN-17087-13	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 1 lộp x 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	5.126	900	4.613.400	5.126	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
18	139	Diamicon MR 60mg	Gliflazide	60mg	VN-20796-17	Uống	Viên nén phòng thich có liên kết	Biệt được gốc	Hộp 2 vi x 15 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	5.285	3.000	15.855.000	5.285	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
19	140	Diamicon MR Tab 30mg 60's	Gliflazide	30mg	VN-20549-17	Uống	Viên nén phòng thich có liên kết	Biệt được gốc	Hộp 2 vi x 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	2.765	3.000	8.295.000	2.765	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
20	170	Emunorate cream	Clobetasene butyrate (dưới dạng micronised)	0,0005	VN-18307-14	Bôi ngoài da	Kem bôi ngoài da	Biệt được gốc	Hộp 1 tuýp 5g	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Tuýp	20.269	50	1.013.450	20.269	IB250003481 8	BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH HÀ NAM	26/04/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500034818 _2504251512	
21	187	Forciga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin monohydrat)	10mg	VN3-37-18	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 3 vi x 14 viên	CSSX: AstraZenca Pharmaceuticals LP, CSBG và xuất xưởng là: AstraZenca UK Ltd	CSSX: Mỹ, CSBG và xuất xưởng là: Anh	Viên	19.000	2.520	47.880.000	19.000	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
22	192	Fucidin	Acid Fusidic	2%	VN-14209-11	Dùng ngoài	Kem	Biệt được gốc	Hộp 1 tuýp 15g	LEO Laboratories Limited	Ireland	Viên	75.075	100	7.507.500	75.075	IB240029233 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
23	209	Glucophage 500mg	Metformin hydrochlorid	500mg	VN-21993-19	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 5 vi x 10 viên	Merck Santé s.a.s	Pháp	Viên	1.598	2.000	3.196.000	1.598	IB240029233 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
24	210	Glucophage 850mg	Metformin hydrochlorid	850mg	VN-21908-19	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 5 vi x 20 viên	Merck Santé s.a.s	Pháp	Gói	3.442	3.000	10.326.000	3.442	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
25	224	Hikreec 10mg Infants	Raccadoril	10mg	VN-21164-18	Uống	Thuốc bột uống	Biệt được gốc	Hộp 16 gói	Sophartex	Pháp	Gói	4.894	3.200	15.660.800	4.894	IB240029233 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
26	226	Hidrasec 30mg Children	Raccadoril	30mg	VN-21165-18	Uống	Bột uống	Biệt được gốc	Hộp 30 gói	Sophartex	Pháp	Viên	5.354	1.500	8.031.000	5.354	IB240029233 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	

STT	Mã TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, hàm lượng	Số BKLH, số GPVK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhãn thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch						
																Giá trưng thầu	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định trưng thầu	Nhà thầu trưng thầu	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17						
27	271	Ketosteril	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketomalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketomalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketomalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketomalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-tysin acetat 105,0 mg (tương đương với 75 mg L-tysin); L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg	600mg (67mg + 101mg + 68mg + 86mg + 59mg + 105mg + 38mg + 50mg + 30mg + 22mg + 38mg + 30mg + 3																		

STT	Mã TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số BDKLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhãn thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng bày hoặc dán nhãn giá bán theo cơ sở xây dựng giá kế hoạch							
																Giá trưng bày	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trưng bày	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	Ghi chú
1	2	3		4	5		6	7		8	9		10	11		12	13		14	15		16	17
35	355	Necium	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate)	10mg	VN-17834-14	Uống	Cán kháng dịch dạ dày để phá hủy dịch vị	Biệt được gốc	Hộp 28 gói	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	22.456	280	6.287.680	22.456	IB2500029253	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
36	357	Necium Maps	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate)	40mg	VN-19782-16	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 7 viên	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	22.456	280	6.287.680	22.456	IB2500029253	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
37	358	Necium Maps	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesium trihydrate)	20mg	VN-19783-16	Uống	Viên nén kháng dịch dạ dày	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 7 viên	AstraZeneca AB	Thụy Điển	Viên	22.456	280	6.287.680	22.456	IB2500029253	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
38	403	Proconlan 5mg	Ibuprofen (dưới dạng Ibuprofen hydrochloride)	5mg	VN-21893-19	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	10.268	560	5.750.080	10.268	IB2500029233	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500029232	
39	404	Proconlan 7.5mg	Ibuprofen (dưới dạng Ibuprofen hydrochloride)	7.5mg	VN-21894-19	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	10.546	560	5.905.760	10.546	IB250012214	Bệnh viện da khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500122146	
40	410	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	VN-22715-21	Hít	Hỗn dịch khí dung dạng xịt	Biệt được gốc	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Astrazeneca Pty., Ltd	Úc	Lọ	13.834	4.000	55.336.000	13.834	IB250012214	Bệnh viện da khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500122146	
41	430	Rocopin 1g I.V.	Ceftriaxone (dưới dạng ceftriaxone natri) 1g/ml	1g	VN-17036-13	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống 10ml dung môi pha tiêm	F.Hoffmann-La Roche Ltd.	Thụy Sĩ	Bình xịt	140.416	50	7.020.800	140.416	IB250012214	Bệnh viện da khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500122146	
42	451	Servier Evohaler DC 25/125mcg	Mối liên kết chất: 25mcg Salmeterol (dạng xinafoate micronized) và 125mcg Fluticasone propionate (dạng micronized)	25mcg + 125mcg	VN-21286-18	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Biệt được gốc	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Glaxo Wellcome S.A	Tây Ban Nha	Bình xịt	210.176	20	4.203.520	210.176	IB250004060	Sở y tế thành phố Đà Nẵng	06/06/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500040606	
43	452	Servier Evohaler DC 25/250 mcg	Salmeterol+ fluticasone propionat	25mcg + 250mcg	VN-22403-19	Dạng hít	Thuốc phun mũi định liều hệ hỗn dịch	Biệt được gốc	Hộp 1 bình 120 liều xịt	Glaxo Wellcome SA,	Tây Ban Nha	Lọ	278.090	20	5.561.800	278.090	IB250009573	Bệnh viện đa khoa khu vực Củ Chi	23/05/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500095733	
44	467	Solu-Medrol	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinat)	40mg	VN-20330-17	Tiền/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Bột đẳng khô pha tiêm	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ Act-O-Vial 1ml	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Bỉ	Viên	41.871	2.000	83.742.000	41.871	IB250011578	Bệnh viện Răng Hàm Mất TPHCM	05/06/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500115782	
45	488	Tamiflu	Osetamivir	75mg	VN-22143-19	uống	Viên nang cứng	Biệt được gốc	Hộp 1 vỉ x 10 viên nang cứng	CSSX: Dopham Milano S.r.l.; đồng gói và xuất xưởng: F. Hoffmann-La Roche Ltd.	CSSX: Ý; Đồng gói và xuất xưởng: Thụy Sĩ	Viên	44.877	500	22.438.500	44.877	IB250005464	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIAO THÔNG VĂN TÀI	06/06/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500054648	
46	537	Vasarel MKR	Trimetazidine dinitrochloride	35mg	VN-17735-14	Uống	Viên nén bao phim gói phân cỡ kiểm soát	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Bình xịt	2.705	2.400	6.492.000	2.705	IB250003415	Trung tâm Tim mạch	04/06/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500034155	
47	542	Venolin Inhaler	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/liều xịt	VN-18791-15	Xịt theo hướng miệng	Hỗn dịch xịt qua bình định liều định áp	Biệt được gốc	Hộp 1 bình xịt 200 liều	Glaxo Wellcome S.A.	Tây Ban Nha	Viên	76.379	100	7.637.900	76.379	IB250004060	Sở y tế thành phố Đà Nẵng	06/06/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500040606	
48	543	Venolin Nebules	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 5 mg	5mg/2,5ml	VN-22568-20	Dùng cho máy khi dùng	Dung dịch khí dung	Biệt được gốc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	Viên	8.513	600	5.107.800	8.513	IB250003690	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	14/04/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500036905	
49	544	Venolin Nebules	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate) 2.5mg	2,5mg/2,5ml	VN-20765-17	Dùng cho máy khi dùng	Dung dịch khí dung	Biệt được gốc	Hộp 6 vỉ x 5 ống 2,5ml	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd.	Úc	Túi	4.575	1.500	6.862.500	4.575	IB2500048332	BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUẢNG NAM	45.363	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500048332	
50	560	Volaven 6%	Poly (O-2-hydroxyethyl) starch (HES 130/0.4) và Natri chloride	30g/500ml; 4,5g/500ml	VN-19651-16	Tiền truyền tĩnh mạch (IV)	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Biệt được gốc	Thùng 20 túi Polyolfinex (freeflex) 500ml	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Chai	110.000	50	5.500.000	110.000	IB250000173	Bệnh viện Tuế Tĩnh	12/05/2025	TNHH MTV DƯỢC LIỆU TW2	Đầu thầu rõ ràng	KQ2500001730	

Mã STT 05/2022 4/TT- BYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số DKLH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bao chế	Năm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trình bày hoặc tham phân giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch							
															Giá trình bày	Mã TBMT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định	Nhà thầu trình bày	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Số Quyết định	Giá
1	2	3	4	5		6	7		8	9		10	11		12	13	14	15		16	17	
51	582	Zinnat Suspension	125mg/5ml Cefuroxime - 50ml	VN-9663-10	Uống	Cân pha huyền dịch uống	Biết được gốc	Hộp 1 chai	Glaxo Operations UK Ltd	Anh	Viên	121.617	100	12.161.700	121.617	IB2500040606	Sở Y tế thành phố Đà Nẵng	06/06/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500040606_2506021601	
52	583	Zinnat Tab 125mg 10's	125mg	VN-21285-18	Uống	Viên nén bao phim	Biết được gốc	Hộp 1 vỉ 10 viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Viên	6.157	100	615.700	6.157	IB2400583585	Bệnh viện Mắt Nghệ An	25/02/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400583585_2502251141	
53	584	Zinnat tablets 250mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	VN-19963-16	Uống	Viên nén bao phim	Biết được gốc	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Viên	12.510	200	2.502.000	12.510	IB2500075223	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	09/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500075223_2505091646	
54	585	Zinnat tablets 500mg	Cefuroxim (dưới dạng Cefuroxim axetil)	VN-20514-17	Uống	Viên nén bao phim	Biết được gốc	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Glaxo Operations UK Limited	Anh	Viên	22.130	900	19.917.000	22.130	IB2500122146	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146_2505191037	
55	587	Zitromax	Azithromycin (dưới dạng Azithromycin dihydrat)	VN-21930-19	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Biết được gốc	Hộp 1 lọ 600mg/15ml	Haupt Pharma Latina S.r.l	Italy	Lọ	115.988	500	57.994.000	115.988	IB2500092332	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU TW2	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332_2505121631	
56	8	Actius	Desloratadine	VN-18026-14	Uống	Viên nén bao phim	Biết được gốc	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Organon Heist bv	Bi	Viên	9.520	200	1.904.000	9.520	IB2500092332	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332_2505121631	
57	9	Actius	Desloratadine	VN-22025-19	Uống	Siro	Biết được gốc	Hộp 1 chai 60ml	Organon Heist bv	Bi	Chai	78.900	200	15.780.000	78.900	IB2500092332	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332_2505121631	
58	13	Algersal	Remineral Kali	VN-17584-13	Nhỏ Khoa Mắt	Dung dịch nhỏ Khoa Mắt	Biết được gốc	Hộp 1 lọ x 5ml	Santen Pharmaceutical Co. Ltd. - Nhà máy Nidec	Nhật	Lọ	82.131	50	4.106.550	82.131	IB2500001730	Bệnh viện Tuệ Tĩnh	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500001730_2505121605	
59	28	Apovel	Ibuprofen	VN-16719-13	Uống	Viên nén bao phim	Biết được gốc	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	9.561	560	5.354.160	9.561	IB2400292530	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
60	94	Cerebrosin	Peptide (Cerebrosin concentrate)	Q1SP-845-15 (có Quyết định giải hạn số đăng ký)	Truyền tĩnh mạch hoặc tiêm	Dung dịch tiêm và truyền	Biết được gốc	Hộp 5 ống 10 ml	Cơ sở trên và dưới: Ever Pharma Jena GmbH; Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH	Nhức tĩnh và dưới: Đức; Nhức xuất xưởng: Áo	Ống	109.725	600	65.835.000	101.430	IB2500092332	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332_2505121631	
61	104	Colapovel	Ibuprofen, Hydrochlorothiazide	VN-16721-13	Uống	Viên nén bao phim	Biết được gốc	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	9.561	280	2.677.080	9.561	IB2400292530	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
62	110	Combivent	Ipratropium bromide anhydrous (dưới dạng ipratropium bromide monohydrate) + Salmeterol (dưới dạng salbutamol sulfate)	VN-19797-16	Dạng hít	Dung dịch hít dùng	Biết được gốc	Hộp 10 lọ x 2,5ml	Laboeraine Unitier	Pháp	Lọ	16.074	100	1.607.400	16.074	IB2500122146	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146_2505191037	
63	116	Cordrone	Amilorone hydrochloride	VN-16722-13	Uống	Viên nén	Biết được gốc	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	6.750	600	4.050.000	6.750	IB2500122146	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146_2505191037	
64	136	Depaline Chrono	Sodium valproate, Acid valproic	VN-16477-13	Uống	Viên nén bao phim thích kéo dài	Biết được gốc	Hộp 1 lọ x 30 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	6.972	300	2.091.600	6.972	IB2400292530	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
65	137	Dopo-Medrol	Methylprednisolone acetat	VN-22418-19	Tiền	Hỗn dịch tiêm	Biết được gốc	Hộp 1 lọ	Pfizer Manufacturing Belgium NV	Belgium	Lọ	34.669	50	1.735.450	34.669	IB2400292530	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH MTV DUỐC LIÊU PHAM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	

STT Mã TT 05/202 4/TT- BYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số DKLH, số GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thầu hoặc đàm phán giá làm căn cứ xây dựng giá kế hoạch					Số Quyết định	Chú		
															Giá trưng thầu	Mã TBMĐT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định trưng thầu	Nhà thầu trúng thầu			Hình thức lựa chọn nhà thầu	
1	2	3	4	5		6	7		8	9		10	11		12	13	14	15		16	17		
66	152	Duophasin	Clopidogrel (hydrogen sulphate), Acid acetylsalicylic	75 mg + 100 mg	VN-22466-19	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	20.828	300	6.248.400	20.828	IB250009233 2	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332 _2505121631	
67	153	Duphasan	Dydrogesterone	10mg	870110067423 (VN-21159-18)	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Viên	7.728	2.000	15.456.000	7.728	IB240037374 5	Bệnh viện Quân Bình Thành	02/01/2025	TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	03/QĐ-BV	
68	184	Flumetholon 0,1	Fluorometholon	5mg/5ml	VN-18452-14	Nhỏ Khoa Mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 5ml	Sanofi Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shina	Nhật	Lọ	26.901	100	2.690.100	26.901	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
69	268	Kary Uni	Pirenoxin	0,25mg/5ml	VN-21338-18	Nhỏ Khoa Mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ x 5ml	Sanofi Pharmaceutical Co., Ltd. - nhà máy Noto	Nhật	Lọ	32.424	50	1.621.200	32.424	IB240058485 8	Bệnh viện Trường Đại học Trà Vinh	22/05/2025	TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400584858 _2505220913	
70	336	Mobic	Mefloxicam	7,5mg	VN-16141-13	Uống	Viên nén	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Boehringer Ingelheim Elias A.E	Hy Lạp	Viên	9.122	400	3.648.800	9.122	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	
71	337	Mobic	Mefloxicam	15mg/1,5ml	VN-22059-19	Tiền	Dung dịch tiêm	Biệt được gốc	Hộp 5 ống x 1,5ml	Boehringer Ingelheim Espana S.A	Tây Ban Nha	Ông	22.760	200	4.552.000	22.760	IB240014569 3	Học viện Quân y	15/07/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	7129/QĐ-HVQY	
72	342	Myonal 50mg	Eperison hydroclorid	50mg	VN-19072-15	Uống	Viên nén bao đường	Biệt được gốc	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Basim Pharmaceuticals Ltd. Misato Factory	Japan	Viên	3.416	3.000	10.248.000	3.416	IB250000928 0	BỆNH VIỆN QUÂN Y 121 CỤC HẬU CẦN QUÂN KHU 9	11/03/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500009280 _2503111248	
73	365	No-Spa 40mg/2ml	Drotaverine hydrochloride	40mg/2ml	VN-23047-22	Tiền	Dung dịch thuốc tiêm	Biệt được gốc	Hộp 5 vỉ x 5 ống 2ml	Chinon Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd.	Hungary	Ông	5.306	100	530.600	5.306	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
74	366	No-spa forte	Drotaverine hydrochloride	80mg	VN-18876-15	Uống	Viên nén	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Chinon Pharmaceutical and Chemical Works Private Co. Ltd.	Hungary	Viên	1.158	500	579.000	1.158	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
75	373	Olovid	Oloxacain	15mg/5ml	(VN-19341-15 (Cố QĐ gia hạn số 265/QĐ-QLD ngày 11/05/2022)	Nhỏ Khoa Mắt	Dung dịch nhỏ Khoa Mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 5ml	Sanofi Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	55.872	50	2.793.600	55.872	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
76	374	Olovid ophthalmic ointment	Oloxacain	0,3% - tủy 3,5g	VN-18723-15	Trà Khoa Mắt	Thuốc mỡ tra Khoa Mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 tủy x 3,5g	Sanofi Pharmaceutical Co., Ltd. - Nhà máy Shina	Nhật	Tuýp	74.530	50	3.726.500	74.530	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
77	382	Oxitin	Xylometazolin	5mg/10ml	VN-22705-21	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 10ml	Haleon CH S.A.R.L	Thụy Sĩ	Lọ	38.500	200	7.700.000	38.500	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
78	383	Oxitin	Xylometazolin	10mg/10ml	VN-22705-21	Nhỏ mũi	Dung dịch nhỏ mũi	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 10ml	Haleon CH S.A.R.L	Thụy Sĩ	Lọ	47.500	50	2.375.000	47.500	IB250009233 2	Bệnh viện Phổi Trung ương	12/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500092332 _2505121631	
79	385	Oxitin	Xylometazoline Hydrochloride	10mg/10ml	VN-22704-21	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi có phân liều	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 10ml	Haleon CH S.A.R.L	Thụy Sĩ	Lọ	49.500	50	2.475.000	49.500	IB240029253 0	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	6622/QĐ-BM; 5234/QĐ-BM	
80	385	Oxitin	Xylometazoline Hydrochloride	5mg/10ml	VN-22706-21	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi có phân liều	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 10ml	Haleon CH S.A.R.L	Thụy Sĩ	Lọ	47.500	50	2.375.000	47.500	IB240054438 8	BỆNH VIỆN T.ÁI MŨI HỒNG	29/04/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2400544388 _2504291006	
81	394	Plavix 75mg	Clopidogrel base (dưới dạng Clopidogrel hydrogen sulphate 97,875mg)	75 mg	VN-16229-13 (cố công văn gia hạn số đăng ký)	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Sanofi Winthrop Industrie	Pháp	Viên	16.819	280	4.709.320	16.819	IB250012214 6	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu rộng rãi	KQ2500122146 _2505191037	

STT TT BYT	Mã T.T BYT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, thành phần	Nồng độ, Hàm lượng	Số ĐK/LH, số GPNK	Dạng dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước Sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá dự kiến	Số lượng	Thành tiền	Kết quả trưng thành hoặc đàm phán giá bán cần cơ sở cung giá kế hoạch						Số Quyết định	Chú
																Giá trưng thành	Mã TBMĐT	Cơ sở y tế ban hành Quyết định	Ngày ban hành Quyết định trưng thành	Nhà thầu trưng thành	Thích hợp lựa chọn nhà thầu		
1	2	3		4	5		6	7		8	9		10	11		12	13	14	15			16	17
82	443	Sanben 0,1	Natri hyaluronat tinh khiết	5mg/5ml	VN-17157-13	Nhà Khoa Mắt	Dung dịch nhỏ Khoa Mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ x 5ml	Sanben Pharmaceutical Co., Ltd - Nhà máy Nêo	Nhật	Lọ	62.138	300	18.647.400	62.138	IB2500122146	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2500122146_2505191037	
83	465	Singlaur 4mg	Natri montelaest	4mg	VN-20318-17	Uống	Viên nén nhai	Biệt được gốc	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Organo Pharma (UK) Limited	Anh	Viên	13.502	4.200	56.708.400	13.502	IB2400544388	BỆNH VIỆN TÀI MÔI HỒNG	29/04/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2400544388_2504291006	
84	490	Tengali 500mg/5ml	Acetyl leucin	500mg/5ml	300110456523	Tiền	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Biệt được gốc	Hộp 5 ống x 5ml	Haupt Pharma	Pháp	Ống	15.600	200	3.120.000	15.600	IB2500054648	CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN GIÁO THÔNG VĂN TÀI	06/06/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2500054648_2506051639	
85	502	Telfast HD	Fexofenadin HCl	180 mg	VD-28324-17 (có QĐ giá bán số đăng ký)	Uống	Viên nén bao phim	Biệt được gốc	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Công ty Cổ phần Sanoft Việt Nam	Việt Nam	Viên	7.299	1.500	10.948.500	7.299	IB2400292530	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	6622/QĐ-BM_5234/QĐ-BM	
86	505	Tobrex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/ml	(có QĐ giá bán số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Nhà Khoa Mắt	Hãn dịch nhỏ Khoa Mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 5ml	S. A Alcon-Cauvreur N.V	Bi	Lọ	47.300	30	1.419.000	47.300	IB2500122146	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2500122146_2505191037	
87	506	Tobrex	Tobramycin + Dexamethasone	(3mg + 1mg)/gram	VN-21629-18	Tra Khoa Mắt	Mỡ tra Khoa Mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 tuýp 3,5g	S. A Alcon-Cauvreur N.V	Bi	Lọ	52.300	30	1.569.000	52.300	IB2500122146	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2500122146_2505191037	
88	507	Tobrex	Tobramycin	3mg/ml x 5ml	VN-19385-15	Nhà Khoa Mắt	Dung dịch nhỏ Khoa Mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ x 5ml	S. A Alcon-Cauvreur N.V	Bi	Lọ	39.999	30	1.199.970	39.999	IB2500122146	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	20/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2500122146_2505191037	
89	551	Viganex	Moxifloxacin (dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	5mg/ml	VN-22182-19	Nhà Khoa Mắt	Dung dịch nhỏ Khoa Mắt	Biệt được gốc	Hộp 1 lọ 5ml	Alcon Research, LLC.	Mỹ	Lọ	87.000	20	1.740.000	87.000	IB2400292530	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	6622/QĐ-BM_5234/QĐ-BM	
90	554	Voltaren	Diclofenac natri	100mg	VN-16847-13	Bật trực tràng	Viên đạn	Biệt được gốc	Hộp 1 vỉ x 5 viên	Delpharm Huningue S.A.S	Pháp	Viên	15.602	2.000	31.204.000	15.602	IB2400292530	Bệnh viện Bạch Mai	10/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	6622/QĐ-BM_5234/QĐ-BM	
91	558	Voltaren 75mg/3ml	Diclofenac natri	75mg/3ml	VN-20041-16 (có QĐ giá bán số 853/QĐ-QLD ngày 30/12/2022)	Tiền	Dung dịch thuốc tiêm	Biệt được gốc	Hộp 1 vỉ x 5 ống 3ml	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Ống	18.066	200	3.613.200	18.066	IB2400544388	BỆNH VIỆN TÀI MÔI HỒNG	29/04/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2400544388_2504291006	
92	559	Voltaren Emugel	Diclofenac diethylamine	1,16g/100g gel	VN-17535-13	Ngoài da	Gel bôi ngoài da	Biệt được gốc	Hộp 1 tuýp 20g	Haleon CH SARL	Thụy Sĩ	Tuýp	68.500	50	3.425.000	68.500	IB2500001730	Bệnh viện Tuế Tĩnh	12/05/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIGAMED	Đầu thầu mở thầu	KQ2500001730_2505121605	

THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP THUỐC

Hợp đồng số:

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;
- Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024;
- Căn cứ Công văn số 1026/BVĐK-KD ngày 23/06/2025 của của Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái về việc Mời báo giá và ký hợp đồng cung cấp thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện;
- Căn cứ Công văn sốngày /06/2025 của Công ty.....về việc chấp thuận bán thuốc cho Nhà thuốc Bệnh viện theo đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái;

Hôm nay, ngày tháng 06 năm 2025 chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng cung cấp thuốc, gồm có:

Bên mua (sau đây gọi là Bên A)

Tên Bên mua: **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN.**

Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Điện thoại: 02163.834.185

Tài khoản: 8706201002645 Tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Văn Yên – Bắc Yên Bái

Mã số thuế: 5200149895.

Đại diện là: (Ông) **Cao Ngọc Thắng.**

Chức vụ: Giám đốc

Bên bán (sau đây gọi là Bên B)

Tên Bên bán:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp thuốc với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các loại thuốc được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
3. Điều kiện chung của hợp đồng;
4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A⁽³⁾

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng. Trường hợp Bên A chậm thanh toán so với thời hạn quy định tại Hợp đồng, Bên A sẽ phải chịu mức lãi suất Ngân hàng Nhà nước tương ứng với số ngày chậm thanh toán.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B⁽³⁾

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại thuốc như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: Phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 15.1 Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:

12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Bên mua giữ 03 bộ, Nhà cung cấp giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN BÁN

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MUA

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. “Bên mua” là tổ chức được quy định tại ĐKCT; 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Bên mua và Bên bán, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. “Bên bán” là Bên bán trúng thầu (có thể là Bên bán độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT; 1.4. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.5. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.6. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch; 1.7. “Hoàn thành” là việc Bên bán hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.8. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại ĐKCT.
2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác); 2. Điều kiện cụ thể của hợp đồng; 3. Điều kiện chung của hợp đồng; 4. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có). 5. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Bên mua có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Bên bán và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Bên bán.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Không áp dụng
7. Bên bán phụ	Không áp dụng
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Bên mua và Bên bán có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Thuốc phải được cung cấp theo yêu cầu của Bên mua và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại thuốc mà Bên bán phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại thuốc đó.
10. Tiến độ cung cấp thuốc lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp thuốc phải được thực hiện theo quy định theo yêu cầu của Bên mua. Bên bán phải cung cấp các hóa đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Bên bán	Bên bán phải cung cấp toàn bộ thuốc trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp thuốc và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: Theo quy định tại ĐKCT .
13. Giá hợp đồng	13.1. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp thuốc và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). 13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .

15. Thanh toán	15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Bên mua thanh toán chậm, Bên bán sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.
16. Bản quyền	Bên bán phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thuốc mà Bên bán đã cung cấp cho Bên mua.
17. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	17.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên mua, Bên bán không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do Bên mua hoặc đại diện của Bên mua đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên bán cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 17.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên mua, Bên bán không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 17.1 ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 17.3. Các tài liệu quy định tại Mục 17.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Bên mua. Khi Bên mua có yêu cầu, Bên bán phải trả lại cho Bên mua các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
18. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Thuốc được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Mục 2 Chương V - Phạm vi cung cấp.
19. Đóng gói thuốc	Bên bán sẽ phải đóng gói thuốc đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển thuốc từ nơi xuất thuốc đến địa điểm giao thuốc quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm thuốc không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất thuốc đến địa điểm giao thuốc quy định.
20. Bảo hiểm	Thuốc cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT.

21. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển thuốc và các yêu cầu khác quy định tại ĐKCT
22. Kiểm tra và thử nghiệm thuốc	22.1. Bên mua hoặc đại diện của Bên mua có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 22.2. Bất kỳ thuốc nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên mua có quyền từ chối.
23. Bồi thường thiệt hại	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 25 ĐKC, hoặc trừ trường hợp do Bên mua không thanh toán theo đúng quy định dẫn tới ảnh hưởng nguồn tiền của Bên bán, nếu Bên bán không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Bên mua có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Bên mua sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Bên mua có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.
24. Yêu cầu chất lượng và hạn sử dụng thuốc	24.1. Bên bán bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn đã cấp phép lưu hành và bảo đảm còn hạn sử dụng, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, Bên bán cũng phải bảo đảm rằng thuốc được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của thuốc 25.2. Yêu cầu về hạn sử dụng đối với thuốc quy định tại ĐKCT.
25. Bất khả kháng	25.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 25.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên bán theo hướng dẫn của Bên mua vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho

	phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Bên mua phải xem xét để bồi hoàn cho Bên bán các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 25.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.
26. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	26.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; b) Thay đổi địa điểm giao hàng; c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; d) Thay đổi thuốc trúng thầu; đ) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 26.2. Bên mua và Bên bán sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
27. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 27.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 27.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 27.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định; 27.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
28. Chấm dứt hợp đồng	28.1. Bên mua hoặc Bên bán có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Bên bán không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên mua gia hạn;

	b) Bên mua hoặc Bên bán bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập; c) Có bằng chứng cho thấy Bên bán đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng; d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT. 28.2. Trong trường hợp Bên mua chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 28.1 ĐKC, Bên mua có thể ký hợp đồng với Bên bán khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên bán sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên mua những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. 28.3. Trong trường hợp Bên mua chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 28.1 ĐKC, Bên mua không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên mua được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.
--	---

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

ĐKC 1.1	Bên mua: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN VĂN YÊN. Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
ĐKC 1.3	Bên bán: <i>[ghi tên Bên bán trúng thầu].</i>
ĐKC 1.9	Địa điểm dự án: Trung tâm Y tế huyện Văn Yên Địa chỉ: Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; - Các tài liệu khác (nếu có)
ĐKC 4	Bên mua không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Bên mua theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Hoàng Kim Sơn - Địa chỉ: Khoa Dược – Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) - Điện thoại: 0982.909.569 - Địa chỉ email: Hoangsondv@gmail.com
ĐKC 6.1	Không áp dụng
ĐKC 6.2	Không áp dụng
ĐKC 7.1	Danh sách Bên bán phụ: Không áp dụng
ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Bên bán phụ: Không áp dụng

ĐKC 8.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: - Bên bán và bên mua có trách nhiệm giải quyết tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng hòa giải. - Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra tòa án để
	giải quyết, mọi phán quyết của tòa án là điều bắt buộc thi hành đối với hai bên.
ĐKC 10	Bên bán phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển thuốc: Hóa đơn thuốc và phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng. Bên mua phải nhận được các tài liệu chứng từ nói trên trước khi thuốc đến nơi, nếu không Bên bán sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh do việc này. Bên bán cam kết phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng đạt yêu cầu chất lượng theo đúng hồ sơ đăng ký thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
ĐKC 12	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
ĐKC 13.1	Giá hợp đồng: Cố định
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Không được phép
ĐKC 15.1	Phương thức thanh toán: - Giá cả thanh toán: Là giá đã được hai bên thống nhất tại phụ lục Hợp đồng, không được điều chỉnh tăng trong suốt thời gian hợp đồng có hiệu lực. - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản - Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi Bên bán xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu - Đồng tiền thanh toán theo hợp đồng: Đồng Việt Nam (VND). - Số lần thanh toán: Thanh toán thành nhiều đợt theo tiến độ giao hàng (trung bình 1 lần trong tháng).

ĐKC 19	Đóng gói thuốc: Việc đóng gói đối với từng thuốc (bao gồm: cách thức đóng gói, vật liệu đóng gói, thông tin về thuốc ghi trên bao kiện đóng gói, các chỉ dẫn cho việc bốc dỡ, vận chuyển...) phải đáp ứng với yêu cầu về bảo quản, đóng gói và vận chuyển của nhà sản xuất và các quy định hiện hành
ĐKC 20	Nội dung bảo hiểm: Khi phát hiện hàng hoá không đúng mọi yêu cầu như khi chào thầu hoặc hàng hoá không đạt tiêu chuẩn chất lượng thì bên bán phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên mua.
ĐKC 21	- Yêu cầu về vận chuyển thuốc: + Bên bán giao hàng cho bên mua trên cơ sở danh mục hàng hoá dự trữ hàng tháng của bên mua. + Thời gian giao hàng chậm nhất không quá 05 ngày kể từ khi nhận được dự trữ mua hàng của bên mua. Trong tháng nếu có biến động do nhu cầu điều trị của bệnh nhân, Bên mua có dự trữ mua hàng đột xuất đề nghị bên bán giao hàng sớm cho bên mua chậm nhất không quá 48 giờ kể từ khi nhận được dự trữ mua hàng của bên mua. + Hàng được giao tại Khoa Dược – Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (Tổ dân phố số 6, thị trấn Mậu A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái) , mọi chi phí vận chuyển, chi phí bốc xếp do bên bán chịu. - Các yêu cầu khác: + Bên bán có trách nhiệm thay thế hàng hóa không đảm bảo yêu cầu trong thời gian bảo hành. + Bên bán phải cử nhân viên áp tải, giao hàng, thực hiện bàn giao đúng quy định.
ĐKC 22.1	Kiểm tra, thử nghiệm thuốc: - Bên mua có quyền kiểm tra, thử nghiệm thuốc được cung cấp ở từng giai đoạn như: trước khi giao thuốc, khi thuốc đến... để khẳng định thuốc đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. - Nội dung kiểm tra: Kiểm tra thuốc cung cấp có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của nhà sản xuất. Kiểm tra hàng hóa có kèm chứng từ, hóa đơn hợp lệ. - Bên mua có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đối chiếu hàng hóa sau khi nhận hàng. Trong vòng quá trình sử dụng, nếu có vấn đề về chất lượng không do lỗi bên mua, Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán để cùng tìm cách giải quyết. - Bên bán phải xuất trình phiếu kiểm nghiệm của hàng hóa khi giao hàng.

ĐKC 23	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 8% giá trị hàng không cung ứng được hoặc chậm thực hiện của Bên bán. Mức khấu trừ: 0,1%/tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Bên mua có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định
ĐKC 24.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với thuốc: Đối với các thuốc trúng thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép GMP hết hiệu lực. Nếu trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên bán không có công văn gia hạn số đăng ký hoặc không được công bố giấy phép GMP thì Bệnh viện chỉ nhập những thuốc đã sản xuất trước thời điểm hết hạn và đáp ứng hạn sử dụng quy định tại ĐKCT.
ĐKC 24.2	Yêu cầu về chất lượng và hạn sử dụng: - Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Bên mua phải bảo đảm tối thiểu 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên; 1/2 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng của thuốc không đáp ứng yêu cầu nêu trên, để bảo đảm có thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh, căn cứ tình hình thực tế, Bên mua quyết định hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính đến thời điểm thuốc cung ứng cho Bên Mua và không được yêu cầu cao hơn quy định nêu trên nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng khi sử dụng thuốc cho bệnh nhân. - Cơ chế giải quyết hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng thuốc: + Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng, Bên mua sẽ thông báo cho Bên bán bằng fax, email, điện thoại, văn bản,... + Bên bán phải tiến hành khắc phục hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên mua; Bên bán phải chịu toàn bộ chi phí cho việc khắc phục các hư hỏng, khuyết tật, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc, chi phí kiểm nghiệm của mẫu thuốc không đạt chất lượng.
ĐKC 26.1(d)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Trường hợp thuốc giảm giá thì Bên bán thông báo bằng văn bản để hai bên tiến hành điều chỉnh hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng.
ĐKC 27.4	Các trường hợp khác: Không có
ĐKC 28.1(d)	Các hành vi khác: Không quy định.

Phụ lục

BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG CUNG CẤP THUỐC

/06/2025 giữa Trung tâm Y tế huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái và Công ty

(Kèm theo Hợp đồng số ngày

STT	Mã thuốc (nếu có)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GDKLH hoặc GPNK	Nhóm thuốc	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Giá bán buôn KK/KKL		Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
														Giá KK (VNĐ)	Ngày KK				
Tổng:..... khoản														Tổng tiền:					

(Số tiền bằng chữ:.....)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN BÁN
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN MUA
[ghi tên, chức danh ký tên và đóng dấu]